

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 01/02/2021

V/v: Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXX- ST ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị H, sinh năm 1999. HKTT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Xóm N, thôn T, xã B, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/8/2020, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Dương Thị H) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại UBND xã T. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, chưa được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống, một phần là do anh T không có công ăn việc làm ổn định và không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên nội ngoại động viên hòa giải không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh T từ ngày 20/7/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn G, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay cháu đang ở với chị và vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn G. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị xác định đủ điều kiện để nuôi con một mình nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn T): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh T vắng mặt. Ông Nguyễn Văn M là bố đẻ của anh T cung cấp: Anh T kết hôn cùng chị H tháng 10/2018, có được tự nguyện tìn hiệu. Sau khi kết hôn chị H về gia đình ông làm dâu. Trong cuộc sống vợ chồng anh T, chị H có một số mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nên có xảy ra cãi vã. Chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5/2020 đến nay không quay về gia đình ông. Nay vợ chồng anh T, chị H mâu thuẫn và ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng ông nhận thay anh T thì ông đã giao lại trực tiếp cho anh T. Hiện nay anh T đang làm đồ gỗ ở Bắc Ninh nên thỉnh thoảng mới về gia đình, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Địa pH xác định anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống tại thôn Thống Nhất, xã T. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T không có gì lớn, chỉ là xô sát thường ngày trong cuộc sống. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2020 đến nay không về sống cùng anh T, còn anh T hiện làm nghề mộc tại Bắc Ninh, thỉnh thoảng vẫn về nhà, chủ yếu vào các ngày nghỉ hoặc buổi tối, ngày lễ tết. Nay chị H có đơn xin ly hôn địa pH đề nghị hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là Nguyễn Văn G, sinh ngày 14/02/2020, hiện nay cháu đang ở cùng chị H. Vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Vợ chồng anh T, chị H không có tài sản chung, chủ yếu là ruộng đất của bố mẹ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Dương Thị H trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 14/02/2020. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003997 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2020 của chị Dương Thị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, T báo thụ lý vụ án, T báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh địa phương và gia đình cung cấp, hiện anh T vẫn sinh sống tại thôn T Nhất, huyện Hiệp Hòa và làm nghề mộc tại Bắc Ninh, gia đình đã giao lại các giấy triệu tập, T báo thụ lý, T báo hòa giải cho anh T, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để làm việc theo T báo và giấy triệu tập. Vì vậy, xác định anh T đã cố tình lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn

giữa chị H và anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §100 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị H và anh T từ khi kết hôn có thời gian chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường hay cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn, anh T đã được Tòa án T báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc, anh T biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh T nhưng anh T không đến làm việc theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến, văn bản phản hồi gì đối với việc chị H xin ly hôn. Địa pH đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật, tuy nhiên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do anh T không đến Tòa án theo T báo và giấy triệu tập. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của đương sự thấy rằng*: Chị H và gia đình anh T (ông Nguyễn Văn M- bố của anh T) cũng như địa pH nơi anh T hiện nay đang sinh sống đều xác định vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 14/02/2020, hiện nay cháu bé đang ở với chị H và phát triển bình thường. Ly hôn chị H đề nghị đề chị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng vì xác định cháu bé vẫn còn nhỏ, chưa đủ 12 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Đối với anh T không có ý kiến phản hồi gì gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Giang vẫn chưa đủ 12 tháng tuổi, theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Đối với cháu Giang hiện nay vẫn do chị H trực tiếp nuôi, cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao con chung của vợ chồng cho chị H trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của chị H được chấp nhận. Anh T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H vì chị H xác định đủ điều kiện để tự mình nuôi con, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Dương Thị H trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 14/02/2020. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003997 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn